

VOCABULARY TEST 11

Task 1: Multiple Choice Questions - Match the Vocabulary with Definitions

1. advertising agency

- a) n. chiến dịch quảng cáo
- b) n. cửa hàng bán lẻ
- c) n. công ty quảng cáo
- d) n. phương tiện truyền thông

2. personal steamer

- a) n. máy xông hơi du lịch
- b) n. máy xông hơi cá nhân
- c) n. máy xông hơi công nghiệp
- d) n. tờ rơi

3. retail store

- a) n. cửa hàng bán lẻ
- b) n. người nội trợ
- c) n. đối tượng mục tiêu
- d) n. khẩu hiệu

4. homemaker

- a) n. máy xông hơi công nghiệp
- b) n. thời lượng phát sóng
- c) n. người nội trợ

- d) n. ngân sách

5. industrial steamer

- a) n. máy xông hơi du lịch
- b) n. máy xông hơi công nghiệp
- c) n. công ty quảng cáo
- d) n. khẩu hiệu

6. travel steamer

- a) n. áp phích
- b) n. máy xông hơi cá nhân
- c) n. máy xông hơi du lịch
- d) n. đối tượng mục tiêu

7. promotional campaign

- a) n. chiến dịch quảng cáo
- b) n. quảng cáo phân loại
- c) n. tạo ra sự nhận diện thương hiệu
- d) n. thời lượng phát sóng

8. target audience

- a) n. khẩu hiệu
- b) n. ngân sách
- c) n. đối tượng mục tiêu

- d) n. phương tiện truyền thông

9. slogan

- a) n. khẩu hiệu
- b) n. máy xông hơi công nghiệp
- c) n. thời lượng phát sóng
- d) n. tờ rơi

10. effective

- a) n. người nội trợ
- b) adj. hiệu quả
- c) n. chiến dịch quảng cáo
- d) n. đối tượng mục tiêu

11. commercials

- a) adj. quảng cáo
- b) n. khẩu hiệu
- c) n. tờ rơi
- d) n. thời lượng phát sóng

12. media

- a) n. phương tiện truyền thông
- b) n. quảng cáo phân loại
- c) n. ngân sách

- d) n. cửa hàng bán lẻ
- 13. classified ad
 - a) n. đối tượng mục tiêu
 - b) n. áp phích
 - c) n. quảng cáo phân loại
 - d) n. khẩu hiệu

- 14. poster
 - a) n. khẩu hiệu
 - b) n. đối tượng mục tiêu
 - c) n. tạo ra sự nhận diện thương hiệu
 - d) n. áp phích

- 15. flyer
 - a) n. ngân sách
 - b) n. tờ rơi
 - c) n. người nội trợ

- d) n. phương tiện truyền thông

- 16. air time
 - a) n. ngân sách
 - b) n. máy xông hơi công nghiệp
 - c) n. thời lượng phát sóng
 - d) n. khẩu hiệu

- 17. budget
 - a) n. ngân sách
 - b) n. tờ rơi
 - c) n. máy xông hơi cá nhân
 - d) n. áp phích

- 18. gain publicity
 - a) n. tạo ra sự nhận diện thương hiệu

- b) v. tăng cường sự công khai
- c) v. đặt quảng cáo
- d) n. khẩu hiệu

- 19. create brand recognition
 - a) n. khẩu hiệu
 - b) n. chiến dịch quảng cáo
 - c) n. tạo ra sự nhận diện thương hiệu
 - d) v. tăng cường sự công khai

- 20. place ads
 - a) v. đặt quảng cáo
 - b) n. phương tiện truyền thông
 - c) n. đối tượng mục tiêu
 - d) n. người nội trợ

Task 2: Sentence Completion Complete the sentences with the appropriate vocabulary word.

advertising agency/ flyers / travel steamer / commercials/ poster / promotional campaign/ classified ad/ retail store/ target audience/ gain publicity/ target audience/ budget

1. The _____ developed a promotional campaign for the new product.
2. The company's _____ was successful in reaching the _____.
3. He saw the _____ in the newspaper and decided to buy it.
4. The _____ shown on television were very effective.
5. She used a _____ to steam her clothes while traveling.
6. The _____ in the store displayed the latest products.

7. The _____ was designed to _____ the company's product.
8. The media indicated that the show had reached a wide _____.
9. The _____ were placed all over the city to promote the event.
10. They had to adjust the _____ to afford more _____ on TV.

Task 3: Multiple Choice Questions Choose the correct word to complete each sentence.

1. The _____ was responsible for creating the _____ for the new campaign.
 - a) retail store / media
 - b) advertising agency / slogan
 - c) homemaker / air time
 - d) industrial steamer / flyer
2. The _____ indicated that the new product had become very _____ among the _____.
 - a) commercials / effective / target audience
 - b) poster / budget / media
 - c) flyer / homemaker / air time
 - d) budget / industrial steamer / commercials
3. The company decided to _____ in newspapers and _____ to _____ for their latest product.
 - a) place ads / media / gain publicity
 - b) budget / commercials / slogan
 - c) effective / target audience / create brand recognition
 - d) create brand recognition / personal steamer / homemaker
4. The _____ was used by the _____ to promote the new service.
 - a) personal steamer / homemaker
 - b) classified ad / media
 - c) air time / slogan
 - d) flyer / advertising agency

5. He used a _____ because it was _____ and easy to carry.
- a) retail store / promotional campaign
 - b) travel steamer / effective
 - c) poster / media
 - d) classified ad / flyer

Task 4: Rearrange the following words to form coherent sentences.

1. The / to / company / created / gain / an / publicity / campaign / effective.
2. A / budget / advertising / requires / careful / agency / planning.
3. Promotional / the / the / reach / target / helped / campaign / audience.
4. Classified / product / in / the / ad / a / newspaper / saw / he.
5. Company / air time / commercials / the / for / television / on / bought.

1	2
3	4
5	

Task 5: Multiple Choice Questions - Synonym Matching Choose the correct synonym for each word.

1. Effective

- a) useless
- b) efficient
- c) costly
- d) complicated

2. Budget

- a) expense
- b) saving
- c) plan
- d) luxury

3. Slogan

- a) phrase
- b) poster
- c) flyer
- d) ad

4. Gain publicity

- ☐ a) advertise
- ☐ b) ignore
- ☐ c) announce
- ☐ d) promote

5. Media

- ☐ a) store
- ☐ b) agency
- ☐ c) press
- ☐ d) market